

**CÔNG TY TNHH Y TẾ VINH HẠNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH Y TẾ VINH HẠNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110695386

**3. Ngày thành lập:** 24/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 ngõ 291 phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912044095

Fax:

Email: [vinhhanhcongty@gmail.com](mailto:vinhhanhcongty@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ Hoạt động của các đấu giá viên)                                                                                                                                             | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác.                 | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>- Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Bán buôn dụng cụ y tế                                 | 4649(Chính) |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu                                         | 4659        |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                | 0119        |
| 6.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                | 0128        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 8.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa phụ sản                                                                                                              | 8620        |
| 9.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) | 9610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                  | 6810 |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                           | 6820 |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                   | 7212 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                 | 7213 |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 15. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                              | 2100 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                            | 4781 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 19. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                   | 5011 |
| 20. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                     | 5012 |
| 21. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                       | 5021 |
| 22. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                         | 5022 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                    | 5621 |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629 |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                     | 5630 |
| 28. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312 |
| 29. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 3319 |
| 30. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền | 4772 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                    | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 25/04/2024 đến ngày 25/05/2024

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM NGUYỆT HẰNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 11/08/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001176046095

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P501A G7 ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P501A G7 ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM NGUYỆT HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/08/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001176046095

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P501A G7 ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P501A G7 ngõ 477 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội